

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập
năm 2023 của Thanh tra tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Phòng chống tham nhũng ngày 22 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;
Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2020 của
Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong
cơ quan, tổ chức, đơn vị;
Căn cứ Văn bản số 2220/TTCP-C.IV ngày 15 tháng 12 năm 2022 của
Thanh tra Chính phủ về định hướng xác minh tài sản, thu nhập năm 2023;
Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 02/TTr-TT ngày 10
tháng 01 năm 2023 về việc phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm
2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm
2023 của Thanh tra tỉnh Đồng Nai theo số 01/KH-TT ngày 10 tháng 01 năm
2023.

Điều 2. Chánh Thanh tra tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện có hiệu
quả những nhiệm vụ theo nội dung kế hoạch đã được phê duyệt. Giao Thanh tra
tỉnh xây dựng chi tiết kinh phí thực hiện kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập
năm 2023 trình Sở Tài chính xem xét, bố trí kinh phí ngoài khoản để thực hiện
tốt nội dung theo kế hoạch được duyệt (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ (b/c);
- Cục III, Cục IV - Thanh tra Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC.



CHỦ TỊCH

Cao Tiên Dũng

Chương V
XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 14. Xây dựng kế hoạch xác minh hằng năm

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch:

a) Tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng ở các ngành, lĩnh vực và địa phương;

b) Các yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng;

c) Định hướng xây dựng kế hoạch xác minh do Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày 31 tháng 10 hằng năm;

d) Khả năng, điều kiện thực hiện các mục tiêu xác minh quy định tại Điều 15 của Nghị định này.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo cơ quan thanh tra xây dựng kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm; nơi không có cơ quan thanh tra thì chỉ đạo đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ thực hiện.

3. Kế hoạch xác minh phải có các nội dung sau:

a) Mục đích, yêu cầu của kế hoạch xác minh;

b) Số lượng và tên cơ quan, đơn vị được xác minh;

c) Tổng số người được xác minh, số lượng người được xác minh phân bổ theo cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

d) Việc tổ chức thực hiện kế hoạch xác minh, người được phân công chỉ đạo việc thực hiện, đơn vị được phân công tiến hành xác minh, nguồn lực để thực hiện xác minh.

Điều 15. Phê duyệt và thực hiện kế hoạch xác minh

1. Trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, người đứng đầu Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 30 của Luật Phòng, chống tham nhũng phê duyệt nội dung và ban hành kế hoạch xác minh hằng năm; Chánh thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch xác minh hằng năm sau khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch.

2. Kế hoạch xác minh hằng năm của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền kiểm soát của mình; riêng đối với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính phải bảo đảm tối thiểu bằng 10%.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kế hoạch xác minh được ban hành, Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập tổ chức lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh. Việc lựa chọn được thực hiện công khai bằng hình thức bốc thăm hoặc sử dụng phần mềm máy tính.

Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập mời đại diện Ủy ban kiểm tra Đảng và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp dự và chứng kiến việc lựa chọn ngẫu nhiên người được xác minh.

Số lượng người được lựa chọn để xác minh ngẫu nhiên phải bảo đảm tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hằng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 16. Tiêu chí lựa chọn người được xác minh theo kế hoạch

Việc lựa chọn người có nghĩa vụ kê khai được xác minh theo kế hoạch hằng năm phải căn cứ vào các tiêu chí sau đây:

1. Người có nghĩa vụ kê khai là đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm.

2. Người có nghĩa vụ kê khai chưa được xác minh về tài sản, thu nhập trong thời gian 04 năm liền trước đó.

3. Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người đang bị điều tra, truy tố, xét xử;

b) Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận;

c) Người đang học tập, công tác ở nước ngoài từ 12 tháng trở lên.

Chương VI

BẢO VỆ, LƯU TRỮ, KHAI THÁC, CUNG CẤP THÔNG TIN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 17. Nguyên tắc bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được lưu trữ đầy đủ, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; bảo đảm yêu cầu của việc kiểm soát tài sản, thu nhập, công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng và công tác quản lý cán bộ.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập phải được bảo vệ nghiêm ngặt, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin; bảo đảm sự tương thích, an toàn, thông suốt trong toàn hệ thống các cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 18. Trách nhiệm bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

b) Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyên trách vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

c) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập;

d) Thực hiện các biện pháp sao lưu, dự phòng để bảo đảm khả năng khắc phục sự cố, phục hồi dữ liệu;

đ) Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng để bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập hoạt động thường xuyên, ổn định.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với Thanh tra Chính phủ trong việc bảo vệ, lưu trữ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 19. Khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập

1. Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia và các cơ quan, tổ chức khác theo quy định tại các điểm đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 42 của Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Thanh tra Chính phủ và các Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập khác cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra có thẩm quyền của Đảng, Quốc hội, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.